

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 32
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 32

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thuý Huyền	Chủ tịch	
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên	
Ông Lê Vinh Việt	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)
Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Bình	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15/02/2022)
Ông Lê Vinh Việt	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15/02/2022)
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2022)
Ông Phạm Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05/05/2022)
Ông Cao Tiến Lam Giang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 20/03/2022)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 24/05/2022)
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12/05/2022)
Ông Đỗ Quang Thuận	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 13/07/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Số: 270323.004/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng kèm theo dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Tại thuyết minh số 11 - "Chi phí trả trước dài hạn" Công ty đang theo dõi "Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN" với số tiền là 32.511.250.000 VND. Đây là phần giá trị còn lại của giao dịch Công ty mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) từ năm 2010 với giá trị là 77.022.500.000 VND. Công ty đã xác định tổn thất và ghi nhận vào các Báo cáo tài chính từ năm 2016 trở về trước với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu thích hợp để có thể đánh giá xem phần giá trị còn lại này đã tổn thất hết hay chưa và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.
2. Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản tiền 11.347.160.000 VND mà Công ty đã đặt cọc cho Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010 và các phụ lục có liên quan (Thuyết minh số 8(2)). Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty hay không.
3. Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, đồng thời chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty này trị giá 4.200.500.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đính kèm.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng đính kèm .

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với các Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 14/03/2022.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		234.911.706.994	276.251.321.908
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.501.590.670	5.230.701.390
111	1. Tiền		1.215.813.275	2.961.122.384
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.285.777.395	2.269.579.006
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.500.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		38.318.917.347	85.824.846.714
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.879.348.947	53.150.398.956
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.087.339.482	17.400.836.340
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	60.000.000.000	55.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	21.377.784.818	21.299.167.318
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
140	IV. Hàng tồn kho	10	182.191.923.420	182.722.101.741
141	1. Hàng tồn kho		182.191.923.420	182.722.101.741
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.399.275.557	2.473.672.063
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.234.615.495	2.239.081.851
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	164.660.062	234.590.212
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		270.267.124.623	278.691.227.383
220	I. Tài sản cố định		38.772.000	3.500.911.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	38.772.000	3.500.911.253
222	- Nguyên giá		2.525.095.112	16.958.473.513
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.486.323.112)	(13.457.562.260)
230	II. Bất động sản đầu tư	13	6.513.491.708	6.664.967.708
231	- Nguyên giá		6.765.951.708	6.765.951.708
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(252.460.000)	(100.984.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14	4.634.584.913	4.356.548.561
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.634.584.913	4.356.548.561
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	226.404.475.854	228.236.386.441
251	1. Đầu tư vào công ty con		9.060.000.000	211.393.080.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		236.803.080.000	34.470.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.200.500.000	6.200.500.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(25.659.104.146)	(23.827.193.559)
260	V. Tài sản dài hạn khác		32.675.800.148	35.932.413.420
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	32.675.800.148	35.932.413.420
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		505.178.831.617	554.942.549.291

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		250.693.025.519	312.388.518.571
310	I. Nợ ngắn hạn		250.693.025.519	297.514.314.367
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	66.620.354.454	81.099.871.452
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	176.444.491.448	178.253.119.000
314	3. Phải trả người lao động		83.503.802	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	95.773.370
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.621.924.330	10.517.073.605
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	3.700.000.000	27.282.659.955
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		222.751.485	265.816.985
330	II. Nợ dài hạn		-	14.874.204.204
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	-	10.309.408.204
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	-	664.796.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	-	3.900.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		254.485.806.098	242.554.030.720
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	254.485.806.098	242.554.030.720
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		59.696.774.500	59.696.774.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(21.118.002.077)	(21.118.002.077)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.897.888.303	23.897.888.303
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.232.251.900	4.232.251.900
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(12.223.106.528)	(24.154.881.906)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(24.154.881.906)	(15.659.480.706)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		11.931.775.378	(8.495.401.200)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		505.178.831.617	554.942.549.291

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.151.013.532	99.550.658.488
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.151.013.532	99.550.658.488
11	3. Giá vốn hàng bán	23	4.452.628.293	100.149.831.129
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.301.614.761)	(599.172.641)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	16.610.058.323	2.691.774.001
22	6. Chi phí tài chính	25	2.129.622.308	(1.042.355.474)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		297.711.721	1.430.450.967
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.557.662.908	10.958.261.100
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.621.158.346	(7.823.304.266)
31	9. Thu nhập khác	27	9.435.816.077	42.039.313
32	10. Chi phí khác	28	5.125.199.045	714.136.247
40	11. Lợi nhuận khác		4.310.617.032	(672.096.934)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.931.775.378	(8.495.401.200)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>11.931.775.378</u>	<u>(8.495.401.200)</u>

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2022
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.931.775.378	(8.495.401.200)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(14.647.009.853)	(756.153.344)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		489.138.638	3.004.339.314
03	- Các khoản dự phòng		1.831.910.587	(2.472.806.441)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.265.770.799)	(2.718.137.184)
06	- Chi phí lãi vay		297.711.721	1.430.450.967
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.715.234.475)	(9.251.554.544)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		53.580.325.873	4.422.527.237
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		530.178.321	4.654.834.095
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(34.168.439.597)	(18.048.257.571)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.256.613.272	90.202.331
14	- Tiền lãi vay đã trả		(299.039.721)	(1.430.450.967)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(43.065.500)	(13.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.141.338.173	(19.576.499.419)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(278.036.352)	(314.745.119)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.780.189.091	1.852.297.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.500.000.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.708.308.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		901.750.323	1.138.022.188
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.612.211.062	2.675.574.978
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.100.000.000	38.619.559.160
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(31.582.659.955)	(50.273.044.415)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(27.482.659.955)	(11.653.485.255)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.270.889.280	(28.554.409.696)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.230.701.390	33.785.111.086
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	9.501.590.670	5.230.701.390

Nguyễn Thị Hoa Vinh
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa Vinh
 Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 VND (Tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 53 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các Công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Các hoạt động khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Theo công văn số 1028/TB-SGDHN ngày 09/08/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (MCK: PHH) thì Cổ phiếu đang lưu hành của công ty với số lượng 20.000.000 cổ phiếu với giá trị 200.000.000.000 VND chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần (Trong đó: số lượng cổ phiếu lưu hành 18.100.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 1.900.000 cổ phiếu). Đến thời điểm 31/12/2022, cổ phiếu Công ty vẫn bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Trong kỳ Công ty không còn doanh thu về hoạt động xây lắp như năm trước mà chỉ còn phát sinh doanh thu dịch vụ, ngoài ra Công ty đã chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí cho các cổ đông khác do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; giá vốn hàng bán kỳ này giảm mạnh và doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ. Công ty chuyển hướng sang hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, dịch vụ vận hành tại các toà nhà để tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Kh hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 – 05 năm

2.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Khoản tồn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày

hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chủ yếu diễn ra tại khu vực miền Bắc Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	854.983.653	855.666.590
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	360.829.622	2.105.455.794
Các khoản tương đương tiền (i)	8.285.777.395	2.269.579.006
	9.501.590.670	5.230.701.390

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 8.285.777.395 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội với lãi suất từ 3%/năm đến 3,3%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.500.000.000	-	-	-
	3.500.000.000	-	-	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn kỳ hạn 6 tháng có giá trị 3.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ biểu quyết	31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con		9.060.000.000	-	211.393.080.000	-
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	75,50%	9.060.000.000	-	9.060.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí (i)	22,25%	-	-	202.333.080.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết		236.803.080.000	(25.659.104.146)	34.470.000.000	(23.827.193.559)
- Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	33,53%	34.470.000.000	(25.659.104.146)	34.470.000.000	(23.827.193.559)
- Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí (i)	22,25%	202.333.080.000	-	-	-
Các khoản đầu tư khác		6.200.500.000	-	6.200.500.000	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	19,05%	4.200.500.000	-	4.200.500.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	19,96%	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
		252.063.580.000	(25.659.104.146)	252.063.580.000	(23.827.193.559)

(i) Theo Nghị quyết số 03/2022/NQ - ĐHCĐ thường niên ngày 06/04/2022, Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí đã tăng vốn chủ sở hữu từ 246 tỷ VND lên 706 tỷ VND bằng hình thức chào bán cho các cổ đông hiện hữu. Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã nhượng quyền mua cổ phần tại công ty con này cho các cá nhân khác với giá chuyển nhượng 15.708.308.000 VND (Xem tại Thuyết minh số 24). Tại ngày 31/12/2022 tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí là 22,25% và được xác định là Công ty liên kết.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Constrexim	-	-	38.820.296.160	-
Công ty CP Hancorp	-	-	9.642.718.584	-
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	903.978.486	-	825.365.260	-
Các đối tượng khác	2.975.370.461	-	3.862.018.952	-
	3.879.348.947	-	53.150.398.956	-

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	516.913.876	-	1.312.323.181	-
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	516.913.876	-	1.312.323.181	-
Bên khác	13.570.425.606	-	16.088.513.159	-
Công ty CP Hancorp	1.780.746.126	-	5.091.919.840	-
Công ty CP Aluking quốc tế	4.565.601.794	-	4.565.601.794	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trung Tín	1.342.228.458	-	996.228.458	-
Các đối tượng khác	5.881.849.228	-	5.434.763.067	-
	14.087.339.482	-	17.400.836.340	-

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	55.000.000.000	(55.000.000.000)	55.000.000.000	(55.000.000.000)
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (1) Ông	55.000.000.000	(55.000.000.000)	55.000.000.000	(55.000.000.000)
Bên khác	5.000.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Hường (2)	5.000.000.000	-	-	-
	60.000.000.000	(55.000.000.000)	55.000.000.000	(55.000.000.000)

(1) Là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2009/ML-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

(2) Là khoản cho Bà Nguyễn Thị Hường vay theo Hợp đồng cho vay số 031122/HDCVT ngày 03/11/2022 với thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 03/11/2022 với lãi suất vay 6%/ năm.

8 PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi cho vay	6.025.555.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
Phải thu khác	15.352.228.918	-	15.273.611.418	-
- Lợi nhuận cố định được chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
- Khoản đặt cọc thực hiện hợp đồng	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
- Các khoản phải thu khác	568.138.928	-	489.521.428	-
	21.377.784.818	(6.025.555.900)	21.299.167.318	(6.025.555.900)
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
- Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
Bên khác				
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
- Công ty TNHH Phong Thịnh (2)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
- Các đối tượng khác	568.138.928	-	489.521.428	-
	21.377.784.818	(6.025.555.900)	21.299.167.318	(6.025.555.900)

(1) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVCHH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

(2) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010 và Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 22/03/2011 chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Công ty TNHH Phong Thịnh	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Ông Nguyễn Tất Lạc	32.511.250.000	-	32.511.250.000	-
	104.883.965.900	-	104.883.965.900	-

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	182.191.923.420	-	182.722.101.741	-
	182.191.923.420	-	182.722.101.741	-

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Bệnh viện Việt Đức	180.626.710.885	-	176.769.817.646	-
- Thi công bể bơi CT11 CT12	1.565.212.535	-	1.564.711.327	-
- Các công trình khác	-	-	4.387.572.768	-
	182.191.923.420	-	182.722.101.741	-

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	164.550.148	3.421.163.420
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
	32.675.800.148	35.932.413.420

(*) Đây là phần còn lại của khoản thanh toán 77.025.500.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty CP Hồng Hà Việt Nam) và ông Nguyễn Tất Lạc để mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group).

Theo biên bản số 10/2015/BB - HĐQT ngày 25/12/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Hồng Hà Việt Nam thì số tiền này được đánh giá là một khoản tổn thất. Vì vậy, Công ty đã phân bổ một phần khoản tổn thất này vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015 và 2016 với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Từ năm 2017 đến nay, Công ty đã dừng phân bổ khoản tổn thất này.

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	9.852.924.557	6.337.024.753	768.524.203	16.958.473.513
- Thanh lý, nhượng bán	(9.852.924.557)	(4.537.726.571)	(42.727.273)	(14.433.378.401)
Số dư cuối kỳ	-	1.799.298.182	725.796.930	2.525.095.112
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	7.069.090.286	5.679.851.771	708.620.203	13.457.562.260
- Khấu hao trong kỳ	228.341.856	88.188.782	21.132.000	337.662.638
- Thanh lý, nhượng bán	(7.297.432.142)	(3.968.742.371)	(42.727.273)	(11.308.901.786)
Số dư cuối kỳ	-	1.799.298.182	687.024.930	2.486.323.112
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	2.783.834.271	657.172.982	59.904.000	3.500.911.253
Tại ngày cuối kỳ	-	-	38.772.000	38.772.000

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.440.537.112 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 4.699.751.876 VND).

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Căn hộ chung cư	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	6.765.951.708	6.765.951.708
Số dư cuối kỳ	6.765.951.708	6.765.951.708
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	100.984.000	100.984.000
- Khấu hao trong kỳ	151.476.000	151.476.000
Số dư cuối kỳ	252.460.000	252.460.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	6.664.967.708	6.664.967.708
Tại ngày cuối kỳ	6.513.491.708	6.513.491.708

Bất động sản đầu tư của Công ty là 3 căn hộ phòng 1601, 1610 và 1702 tại Chung cư CT13, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, có diện tích lần lượt là 109,99 m², 76,97 m² và 101,14 m². Nguyên giá lần lượt là 2.374.883.292 VND, 2.036.182.523 VND và 2.354.885.893 VND. Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 88.620.000 VND, 75.980.000 VND và 87.860.000 VND, giá trị còn lại tại 31/12/2022 lần lượt là 2.286.263.292 VND, 1.960.202.523 VND và 2.267.025.893 VND.

Doanh thu phát sinh trong kỳ từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư là 267.042.885 VND (trong đó căn hộ 1601 là 89.090.906 VND, căn hộ 1610 là 78.280.775 VND và căn hộ 1702 là 99.671.204 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị của các tài sản này. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Dự án Cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	4.634.584.913	4.356.548.561
	4.634.584.913	4.356.548.561

Dự án: Cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu

- Chủ đầu tư: Công ty CP Hồng Hà Việt Nam;
- Địa điểm xây dựng: 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng 01 khối chung cư cao 15 tầng;
- Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án: 61 tỷ đồng;
- Tiến độ thực hiện dự án tại ngày 31/12/2022: Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, hiện đang tạm dừng để xin cấp phép thay đổi mục đích sử dụng đất.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	8.296.908.204	8.296.908.204	338.534.041	338.534.041
Công ty CP Tứ Hiệp	-	-	338.534.041	338.534.041
Hồng Hà Dầu Khí				
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	8.296.908.204	8.296.908.204	-	-
Bên khác	58.323.446.250	58.323.446.250	80.761.337.411	80.761.337.411
Công ty CP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	6.893.211.949	6.893.211.949	8.893.211.949	8.893.211.949
Công ty TNHH Kiến trúc Apic	6.258.650.229	6.258.650.229	6.258.650.229	6.258.650.229
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	-	-	10.072.379.810	10.072.379.810
Công ty CP Đầu tư Xây dựng phát triển nhà Vạn Xuân	-	-	9.863.565.778	9.863.565.778
Ông Lưu Hoàng Long	6.182.554.753	6.182.554.753	4.174.341.003	4.174.341.003
Các đối tượng khác	38.989.029.319	38.989.029.319	41.499.188.642	41.499.188.642
	66.620.354.454	66.620.354.454	81.099.871.452	81.099.871.452
b) Dài hạn				
Bên liên quan	-	-	8.296.908.204	8.296.908.204
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	-	8.296.908.204	8.296.908.204
Bên khác	-	-	2.012.500.000	2.012.500.000
Ông Lưu Hoàng Long	-	-	2.012.500.000	2.012.500.000
	-	-	10.309.408.204	10.309.408.204

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	2.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	2.000.000.000	4.000.000.000
<i>Bên khác</i>	174.444.491.448	174.253.119.000
Bệnh viện Việt Đức (i)	174.245.119.000	174.245.119.000
Các đối tượng khác	199.372.448	8.000.000
	<u>176.444.491.448</u>	<u>178.253.119.000</u>

(i) Khoản trả trước theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVĐ-01 ngày 24/02/2015. (Xem thêm Thuyết minh 10).

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	139.440.000	-	1.464.615.242	1.464.615.242	139.440.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.422.408	-	-	-	13.422.408	-
Thuế thu nhập cá nhân	81.727.804	-	69.930.150	-	11.797.654	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	281.114.345	281.114.345	-	-
	234.590.212	-	1.815.659.737	1.745.729.587	164.660.062	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	823.206.592	778.354.768
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.622.283	29.000.000
Cổ tức lợi nhuận phải trả	671.181.000	671.181.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.926.914.455	9.038.537.837
- Chi phí lãi vay	147.269.000	143.893.000
- Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	540.179.478	8.260.698.653
- Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	660.092.000	-
- Các đối tượng khác	579.373.977	633.946.184
	<u>3.621.924.330</u>	<u>10.517.073.605</u>
b) Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	664.796.000
- Chi phí lãi vay	-	4.704.000
- Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	660.092.000
	<u>-</u>	<u>664.796.000</u>
c) Trong đó: Bên liên quan		
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	660.092.000	660.092.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	540.179.478	8.260.698.653
	<u>1.200.271.478</u>	<u>8.920.790.653</u>

19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	27.282.659.955	27.282.659.955	4.100.000.000	27.682.659.955	3.700.000.000	3.700.000.000
	27.282.659.955	27.282.659.955	4.100.000.000	27.682.659.955	3.700.000.000	3.700.000.000
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	3.900.000.000	3.900.000.000	-	3.900.000.000	-	-
	3.900.000.000	3.900.000.000	-	3.900.000.000	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.900.000.000	3.900.000.000				

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022	01/01/2022
							VND	VND
Vay ngắn hạn							3.700.000.000	27.282.659.955
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	VND	Thả nổi	6 tháng	2022	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	-	27.282.659.955
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội (1)	VND	0,00%	4 năm	2023	Phục vụ thi công công trình CT11 Khu Đô thị	Tín chấp	3.700.000.000	-
							3.700.000.000	27.282.659.955

(1) Hợp đồng vay vốn ngày 10/02/2020 mục đích sử dụng vốn lưu động phục vụ thi công Công trình CT11 Khu đô thị mới Tứ Hiệp, thời hạn vay tối đa 02 tháng, lãi suất cho vay 0,3%/năm đã ký phụ lục hợp đồng vay vốn gia hạn khoản vay đến 31/12/2023, lãi suất cho vay kể từ ngày 01/07/2020 là 0%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Vay dài hạn								
Ông Phạm Tiến Đạt	VND	0,00%	2 năm	2022	Bổ sung vốn kinh doanh	Tín chấp	-	200.000.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội (1)	VND	0,00%	4 năm	2023	Phục vụ thi công công trình CT11 Khu Đô thị mới Tứ Hiệp	Tín chấp	-	3.700.000.000
							-	3.900.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng							-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng							-	3.900.000.000

Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2022		01/01/2022	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay		3.700.000.000	4.704.000	3.900.000.000	63.398.000
- Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	-	200.000.000	-
- Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	3.700.000.000	4.704.000	3.700.000.000	4.704.000
- Ông Lê Vinh Việt	Thành viên HĐQT	-	-	-	58.694.000
		3.700.000.000	4.704.000	3.900.000.000	63.398.000

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(15.659.480.706)	251.049.431.920
Lỗi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(8.495.401.200)	(8.495.401.200)
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(24.154.881.906)	242.554.030.720
Số dư đầu kỳ này	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(24.154.881.906)	242.554.030.720
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	11.931.775.378	11.931.775.378
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(12.223.106.528)	254.485.806.098

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim (CIC)	-	0,00%	37.300.000.000	18,65%
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	35.756.000.000	17,88%	35.756.000.000	17,88%
Ông Nguyễn Tuấn Anh	28.711.600.000	14,36%	-	0,00%
Bà Trương Mỹ Hạnh	25.114.960.000	12,56%	2.011.496.000	1,01%
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	24.867.700.000	12,43%	2.296.770.000	1,15%
Vốn góp tương đương cổ phiếu quỹ	1.900.000.000	0,95%	1.900.000.000	0,95%
Các cổ đông khác	83.649.740.000	41,82%	120.735.734.000	60,37%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	671.181.000	671.181.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	671.181.000	671.181.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.900.000	1.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.100.000	18.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	23.897.888.303
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	4.232.251.900
	28.130.140.203	28.130.140.203

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng tại địa chỉ Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội để làm văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01A/2021/HĐ-THHĐK-HHVN ngày 02/01/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 15/03/2022 với Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí. Theo hợp đồng nêu trên Công ty phải trả tiền thuê hàng kỳ là 52.000.000 VND/tháng.

22 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	37.087.160.570
Doanh thu xây lắp	106.830.000	57.942.906.111
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ khác	2.044.183.532	4.520.591.807
	2.151.013.532	99.550.658.488

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

	-	2.233.059.091
--	---	---------------

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	36.915.781.720
Giá vốn dịch vụ xây lắp	2.409.338.804	59.435.564.591
Giá vốn cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ khác	2.043.289.489	3.798.484.818
	4.452.628.293	100.149.831.129

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	701.750.323	1.635.251.318
Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Các giải pháp nội thất	-	976.522.683
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (i)	15.708.308.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.000.000	80.000.000
	16.610.058.323	2.691.774.001
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	248.494.000	641.553.000

(i) Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại công ty con (xem thuyết minh 04)

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	297.711.721	1.430.450.967
Trích lập /Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	1.831.910.587	(2.472.806.441)
	2.129.622.308	(1.042.355.474)

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.502.149.176	5.555.457.880
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	204.303.217	326.816.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.320.782	805.578.000
Thuế, phí và lệ phí	3.077.993	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.850.485	3.370.586.565
Chi phí khác bằng tiền	274.961.255	896.821.711
	4.557.662.908	10.958.261.100
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	860.355.843	7.852.295.601

27 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	655.712.476	42.039.313
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ xây dựng, văn phòng (i)	8.033.276.601	-
Tiền phạt đền thu được	746.827.000	-
	9.435.816.077	42.039.313

27 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	655.712.476	42.039.313
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ xây dựng, văn phòng (i)	8.033.276.601	-
Tiền phạt đền thu được	746.827.000	-
	9.435.816.077	42.039.313

(i) Tiền thu từ bán thanh lý công cụ dụng cụ xây dựng đã qua sử dụng.

28 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị mất, thanh lý	4.613.942.086	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	228.341.856	677.733.670
Các khoản bị phạt	30.536.648	35.599.739
Các khoản khác	252.378.455	802.838
	5.125.199.045	714.136.247

29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.931.775.378	(8.495.401.200)
Các khoản điều chỉnh tăng	258.878.504	713.333.409
- Chi phí không được trừ	258.878.504	713.333.409
Chuyển lỗ các kỳ trước	(12.190.653.882)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(13.422.408)	(13.422.408)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(13.422.408)	(13.422.408)

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	50.376.301.015
Chi phí nhân công	5.042.402.764	6.901.697.749
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	204.303.217	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.796.782	2.326.605.644
Thuế, phí và lệ phí	3.077.993	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.663.824.835	6.690.138.814
Chi phí khác bằng tiền	274.961.255	3.227.741.043
	10.449.366.846	69.522.484.265

31 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

32 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con đến ngày 30/06/2022, sau đó là Công ty liên kết
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Cổ đông lớn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ	-	2.233.059.091
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	-	2.233.059.091
Mua hàng hóa dịch vụ	860.355.843	7.852.295.601
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	-	307.978.317
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	860.355.843	7.544.317.284
Doanh thu tài chính	248.494.000	641.553.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	-	561.553.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	200.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh	48.494.000	-

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/04/2021)	-	20.000.000
Ông Lê Vinh Việt	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 12/05/2022) kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/02/2022)	20.000.000	227.818.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/02/2022)	162.000.000	40.000.000
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/08/2022)	94.775.000	338.947.000
Bà Phan Thị Cẩm Anh	Phó Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 12/04/2022)	-	50.833.000
Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/05/2022)	120.871.000	441.636.000
Ông Hán Công Khanh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/04/2021)	-	20.000.000

	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Cao Tiến Lam Giang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/03/2022)	28.261.000	112.818.000
Ông Đỗ Quang Thuận	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12/05/2022)	8.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 24/05/2022)	16.000.000	-
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 12/05/2022)	8.000.000	24.000.000
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 13/07/2022)	12.000.000	16.000.000
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 12/05/2022)	16.000.000	-
Bà Lê Hoài Thu	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/02/2022)	40.223.500	202.950.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Vinh	Phụ trách kế toán (bổ nhiệm ngày 01/02/2022)	217.026.300	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

33 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam kiểm toán.



Nguyễn Thị Hoa Vinh
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh
 Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023